

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 14 - 11 - 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Lê Huân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2022/TLPT-HNGĐ ngày 07/10/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 311/2022/HNGĐ – ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 125/2022/QĐXX-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1974;

Địa chỉ cư trú: Xóm 2, xã N, huyện G, thành phố Hà Nội;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị T1 - Luật sư Công ty Luật TNHH T thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Vũ Hoàng T, sinh năm 1970;

Địa chỉ cư trú: Số nhà 3T, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người kháng cáo: Anh Vũ Hoàng T là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa có mặt anh T, chị T1; chị N có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình đề ngày 10-6-2022, bản tự khai ngày 01-7-2022, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa

nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Hoàng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 10-02-1996 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định. Sau kết hôn vợ chồng chung sống địa chỉ 3T, phường V, thành phố N một thời gian sau đó chuyển về sinh sống tại xóm 2 xã N, huyện G, thành phố Hà Nội nhưng chỉ có chị N và hai con đăng ký thường trú tại xóm 2 xã N, huyện G, thành phố Hà Nội còn anh T vẫn đăng ký thường trú tại 3T, phường V, thành phố N và thường xuyên đi lại giữa hai nhà. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên nhưng đến vài năm gần đây thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm lối sống và bất đồng ý kiến trong quan hệ vợ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vợ chồng không khắc phục được. Do mâu thuẫn kéo dài nên vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Ngọc A, sinh ngày 28-01-1997, giới tính Nam và Vũ Nguyễn Hoài A, sinh ngày 17-02-2006, giới tính Nữ. Cháu Vũ Ngọc A đã trưởng thành tự lập nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con. Đối với cháu Vũ Nguyễn Hoài A, chị Nguyễn Thị N nhất trí với việc anh Vũ Hoàng T trực tiếp nuôi con, chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng đến khi cháu Hoài A đủ 18 tuổi lao động, tự lập được.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị N xác định vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai đề ngày 30-6-2022, biên bản lấy lời khai ngày 30-6-2022 và trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Vũ Hoàng T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Vũ Hoàng T thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Nguyễn Thị N trình bày là đúng. Còn về mâu thuẫn vợ chồng anh T trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ 3T, phường V, thành phố N khoảng 3 tháng sau đó vợ chồng chuyển về sinh sống tại xóm 2 xã N, huyện G, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên anh T vẫn đăng ký thường trú tại địa chỉ 3T, phường V, thành phố N còn chị N và các con thì đăng ký thường trú tại địa chỉ xóm 2 xã N, huyện G, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống vợ chồng vẫn hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì lớn nếu có chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt nhưng vợ chồng đã tự khắc phục được và vợ chồng cũng không sống ly thân như chị N trình bày. Nay chị N xin ly hôn, quan điểm của anh T rất mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng có trách nhiệm với các con và không đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh T cũng xác nhận vợ chồng có hai con chung là Vũ Ngọc A, sinh ngày 28-01-1997, giới tính Nam và Vũ Nguyễn Hoài A, sinh ngày 17-02-2006, giới tính: Nữ, cháu Ngọc A đã trưởng thành tự lập còn cháu Hoài A hiện tại đang ở cùng với vợ chồng. Nếu ly hôn anh T nhận trực tiếp, nuôi dưỡng

và chăm sóc con Vũ Nguyễn Hoài A và nhất trí mức cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng của chị N.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh T đề nghị vợ chồng tự giải quyết vấn đề tài sản chung khi ly hôn.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 311/2022/HNGĐ – ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N quyết định:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5, Điểm a, b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Hoàng T.
2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Anh Vũ Hoàng T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con Vũ Nguyễn Hoài A, sinh ngày 17-02-2006, giới tính: Nữ. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng (*ba triệu đồng một tháng*) kể từ tháng 10 năm 2022 đến khi con chung Vũ Nguyễn Hoài A đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) chị Nguyễn Thị N đã nộp tại biên lai số 0005337 ngày 14-6-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị N phải nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

* Tại đơn kháng cáo ngày 13/9/2022 anh Vũ Hoàng T kháng cáo bản án sơ thẩm, anh T không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

* Tại phiên tòa:

Anh Vũ Hoàng T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh T thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cụ thể: Cách đây 08 năm chị N có chửi bới xúc phạm anh nên anh đã tát chị N một cái; khoảng 2-3 năm nay anh nghi ngờ chị N có quan hệ ngoại tình với người đàn ông ít tuổi hơn chị. Tuy nhiên anh T cho rằng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, anh vẫn cố gắng nín nhịn để vợ chồng chung sống. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị N, anh

mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn. Các vấn đề khác anh không ý kiến gì.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị N có quan điểm: Mâu thuẫn của chị N và anh T đã trầm trọng kéo dài, anh T cho rằng mâu thuẫn nhỏ là không đúng, thực tế vợ chồng anh chị không còn tình cảm với nhau, không quan tâm đến nhau, anh chị đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Vũ Hoàng T. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm 311/2022/HNGĐ – ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Vũ Hoàng T là hợp lệ và làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Hoàng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị N thì sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về lối sống và sinh hoạt gia đình, vợ chồng ly thân từ năm 2021 cho đến nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau, chị xác định không còn tình cảm với anh T và xin ly hôn. Anh T thừa nhận vợ chồng tuy có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt gia đình, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị N và không đồng ý ly hôn. Tại cấp phúc thẩm anh T cũng không đưa ra các biện pháp có hiệu quả để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, không có tài liệu chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, trong khi đó chị N xác định không thể chung sống cùng anh và cương quyết xin ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị N và anh T đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh

T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Các vấn đề khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Chị N phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Kháng cáo của anh T không được chấp nhận nên anh phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 311/2022/HNGĐ – ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N .

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Hoàng T.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Giao cháu Vũ Nguyễn Hoài A, sinh ngày 17-02-2006 cho anh Vũ Hoàng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) kể từ tháng 10 năm 2022 cho đến khi cháu Vũ Nguyễn Hoài A đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí:

- Án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) chị Nguyễn Thị N đã nộp tại biên lai số 0005337 ngày 14-6-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị N phải nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Án phí phúc thẩm: Anh T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai số 0005481 ngày 13 - 9-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng